

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RURAL DEVELOPMENT ADVICE AND TRAINING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107598463

3. Ngày thành lập: 18/10/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu Cao Đăng, thôn Xuân Sen, Xã Thủy Xuân Tiên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
2.	Trồng lúa	0111
3.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
4.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
5.	Trồng cây mía	0114
6.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
7.	Trồng cây lấy sợi	0116
8.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
9.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
10.	Trồng cây hàng năm khác	0119
11.	Trồng cây ăn quả	0121
12.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
13.	Trồng cây điều	0123
14.	Trồng cây hồ tiêu	0124
15.	Trồng cây cao su	0125
16.	Trồng cây cà phê	0126
17.	Trồng cây chè	0127
18.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
19.	Trồng cây lâu năm khác	0129
20.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
21.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
22.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142

23.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
24.	Chăn nuôi lợn	0145
25.	Chăn nuôi gia cầm	0146
26.	Chăn nuôi khác	0149
27.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
31.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
32.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
33.	Khai thác gỗ	0221
34.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
35.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
36.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
37.	Khai thác thủy sản biển	0311
38.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
39.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
40.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
41.	Sản xuất giống thủy sản	0323
42.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
43.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
44.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
45.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
46.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
47.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
48.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
49.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
50.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
51.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
52.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
53.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
54.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
55.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
56.	Bán buôn tổng hợp	4690
57.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
58.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
59.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

60.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
61.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
62.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
63.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
64.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
65.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
66.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
67.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
68.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
69.	Thu gom rác thải độc hại	3812
70.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
71.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
72.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
73.	Xây dựng nhà các loại	4100
74.	Xây dựng công trình công ích	4220
75.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
76.	Phá dỡ	4311
77.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
78.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
79.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
80.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
81.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
82.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
83.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
84.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620(Chính)
85.	Bán buôn gạo	4631
86.	Bán buôn thực phẩm	4632
87.	Bán buôn đồ uống	4633
88.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
89.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
90.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
91.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
92.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
93.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
94.	Dịch vụ đóng gói	8292

95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
96.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
97.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy về tôn giáo; - Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể. Nhóm này cũng gồm: - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
98.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
99.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
100.	Hoạt động thú y Chăm sóc sức khỏe động vật và kiểm soát hoạt động của gia súc; - Chăm sóc sức khỏe động vật và kiểm soát hoạt động của vật nuôi.	7500
101.	Cho thuê xe có động cơ	7710
102.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu	7730
103.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
104.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
105.	Đại lý du lịch	7911
106.	Điều hành tua du lịch	7912
107.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
108.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
109.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
110.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

111.	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>
------	--	---

6. Vốn điều lệ: 8.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	KIỀU VĂN KIÊN	Thôn Đồng Kho, Xã Đồng Trúc, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	258.000	2.580.000.000	30,000	111392186	
			Tổng số	258.000	2.580.000.000	30,000		
2	KIỀU VĂN CƯƠNG	Thôn Đồng Kho, Xã Đồng Trúc, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	344.000	3.440.000.000	40,000	001079008959	
			Tổng số	344.000	3.440.000.000	40,000		
3	NGUYỄN THỊ CHÂM	Thôn Xuân Sen, Xã Thủy Xuân Tiên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	258.000	2.580.000.000	30,000	017202146	
			Tổng số	258.000	2.580.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: KIỀU VĂN KIÊN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/04/1977*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *111392186*

Ngày cấp: *20/03/2009*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đồng Kho, Xã Đồng Trúc, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đồng Kho, Xã Đồng Trúc, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*